BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 82 /GPMT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 458/CT-TV ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt về việc giải trình, tiếp thu các ý kiến thực hiện các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp An Dương và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt, địa chỉ tại Khu công nghiệp An Dương, xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1 có địa chỉ tại xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 3224852323 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 02 tháng 6 năm 2017; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp 0200880866 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 10 tháng 04 năm 2021.

1.4. Mã số thuế: 0200880866.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu công nghiệp, gồm các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư: Nhóm ngành gia công chế tạo cơ khí chế tạo lắp ráp (Lắp ráp máy móc công cụ; Sản xuất thiết bị chuyên dụng cho các nhà máy; Sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy; Sản xuất các sản phẩm dùng trong nông, lâm nghiệp (không có hóa chất bảo vệ thực vật); Sản xuất các thiết bị dùng trong du lịch; Cơ khí, chế tạo máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ kiện, chế tạo và lắp ráp các kết cấu thép về năng lượng gió phát điện; Sản xuất khuôn chính xác, linh kiện nhựa chính xác; Chế tạo sản xuất thiết bị kiểm định chuẩn đoán ô tô, bộ phận linh kiện ô tô); Nhóm ngành công nghiệp điện lạnh, điện tử (Sản xuất hàng điện tử và vi

điện tử; Lắp ráp hệ thống thiết bị điện tử viễn thông; Sản xuất và lắp ráp điện thoại di động; Sản xuất và lắp ráp máy vi tính; Chế tạo khuôn mẫu; Sản xuất thiết bị điện lạnh cho tiêu dùng và công nghiệp; Cáp điện công nghiệp và viễn thông (không sản xuất sim mạng); Công nghiệp điện máy, sản xuất máy móc, thiết bị phụ tùng điện công nghiệp và điện gia dụng; Ngành công nghiệp điện tử, công nghệ tin học, phương tiện thông tin, viễn thông, truyền hình, công nghệ kỹ thuật cao; Chế tạo sản xuất động cơ (motor) cho thiết bị gia dụng; Sản xuất, gia công chế tạo sản phẩm các loại mút xốp dùng cho ngành ô tô, đồ gia dụng; Sản xuất chế tạo bộ phận linh kiện hệ thống an toàn thụ động ô tô); Nhóm ngành công nghiệp gia dụng (Dệt sợi, may mặc, đồ trang sức may mặc (không nhuộm, thuộc da); Sản xuất giày da, đồ chơi nhựa, dụng cụ thể thao; Trang thiết bị gia dụng, nội thất công trình); Nhóm ngành sản xuất dược phẩm (Sản xuất các sản phẩm dược phẩm bao gồm các sản phẩm OSD cho thuốc viên nén, viên nang và thuốc bột); Nhóm ngành sản xuất vật liệu bao bì đóng gói; Cho thuê nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 196,1 ha (đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật đối với phần diện tích 145,34 ha/196,1 ha).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm.**

(từ ngày 04 tháng 4 năm 2023 đến ngày 03 tháng 4 năm 2030).

Giấy phép xả nước thải vào công trình thuỷ lợi số 286/GP-TCTL-PCTTr ngày 11 tháng 07 năm 2019 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thủy lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- PTTgCP, Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND thành phố Hải Phòng (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt;
- Lưu: VT, KSONMT, TT12.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Võ Tuấn Nhân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...82.../GPMT-BTNMT ngày ...04... tháng ...4... năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1. Nước thải được xử lý sơ bộ tại các cơ sở để đạt tiêu chuẩn đấu nối nước thải của khu công nghiệp trước khi thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 có công suất thiết kế 2.250 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ văn phòng điều hành và khu hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1. Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 có công suất thiết kế 2.250 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ khu vực nhà điều hành trạm xử lý nước của Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1. Nước thải được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 có công suất thiết kế 2.250 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.4. Nguồn số 04: Nước thải từ phòng thí nghiệm của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 có công suất thiết kế 2.250 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

1.5. Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình ép bùn, máy tách rác tinh, thiết bị tách dầu của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 có công suất thiết kế 2.250 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Kênh Hoàng Lâu thuộc xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2309572; Y: 584834 *(theo hệ toạ độ VN 2000, múi chiếu 3°, kinh tuyến trục 105°).*

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.250 m^3/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 tự chảy theo đường ống u-PVC D400 kết hợp hố ga BTCT ra kênh Hoàng Lâu. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6-9	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	Nhiệt độ	°C	40		Đã lắp đặt
3	Độ màu	Pt-Co	50		-
4	BOD_5	mg/L	24,3		-
5	COD	mg/L	60,75		Đã lắp đặt
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	40,5		Đã lắp đặt
7	Amoni (NH_4^+)	mg/L	4,05		Đã lắp đặt
8	Tổng N	mg/L	16,2		-
9	Tổng P	mg/L	3,24		-
10	Clorua	mg/L	405		-
11	Sunfua	mg/L	0,162		-
12	Florua	mg/L	4,05		-
13	Xyanua	mg/L	0,0567		-
14	Mangan (Mn)	mg/L	0,405		-
15	Sắt (Fe)	mg/L	0,81		-
16	Crom (VI) (Cr^{6+})	mg/L	0,0405		-
17	Crom (III) (Cr^{3+})	mg/L	0,162		-
18	Niken (Ni)	mg/L	0,162		-
19	Đồng (Cu)	mg/L	1,62		-
20	Chì (Pb)	mg/L	0,081		-
21	Kẽm (Zn)	mg/L	2,43		-
22	Cadimi (Cd)	mg/L	0,0405		-
23	Asen (As)	mg/L	0,0405		-
24	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,00405		-
25	Tổng phenol	mg/L	0,081		-
26	Clo dư	mg/L	0,81		-
27	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,05		-
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1		-
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0		-

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
30	Coliform	MPN/100ml	3.000		
31	Hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/L	0,243	01 năm/lần	-
32	Hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/L	0,0405		-
33	Polyclobiphenyl (PCB)	mg/L	0,00243		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 có công suất 2.250 m^3/ngày bằng đường ống HDPE và cống tròn bê tông cốt thép để xử lý.

- Nguồn số 02: Được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 có công suất 2.250 m^3/ngày bằng đường ống HDPE và cống tròn bê tông cốt thép để xử lý.

- Nguồn số 03: Được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 có công suất 2.250 m^3/ngày bằng đường ống nhựa uPVC để xử lý.

- Nguồn số 04 và 05: Được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 có công suất 2.250 m^3/ngày bằng đường ống nhựa uPVC để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Công trình, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom nước thải (hố bơm và tách cát) → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể xử lý sinh học (Bể SBR) → Bể khử trùng → kênh Hoàng Lâu.

- Công suất thiết kế: 2.250 m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: H_2SO_4, NaOH, Phèn nhôm - $Al_2(SO4)_3$, PAC, Polymer Anion, Polymer Cation, Chlorine 70%, Chất nuôi vi sinh (metanol hoặc mật rỉ đường hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm.

- Vị trí lắp đặt: Tại đường ống xả nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 của Trạm xử lý nước thải ra kênh Hoàng Lâu.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS và Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: Có.

- Camera theo dõi: Đã lắp camera giám sát.

- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng hồ ứng phó sự cố cho hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 của Trạm xử lý nước thải tập trung có thể tích 6.836,2 m^3, gồm hai hồ nối tiếp, thông qua 02 đường ống cống D1000 bê tông cốt thép. Hồ 1 có dung tích 2.500 m^3 và hồ 2 có dung tích 4.436 m^3. Thành và đáy hồ được trải lớp vải địa kỹ thuật ART 12, đổ bê tông dày 300 mm, lót màng HDPE để ngăn ngừa nước thải thẩm thấu ra môi trường đất. Mực nước trong hồ được duy trì ở cao độ +0,3 m so với đáy hồ để bảo dưỡng công trình.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, đóng van xả nước thải sau xử lý ra môi trường. Nước thải vượt quy chuẩn được bơm về hồ sự cố trước khi bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01để xử lý lại.

- Trường hợp 01 trong 02 bể SBR của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 của Trạm xử lý nước thải gặp sự cố thiết bị, nước thải đầu vào được xử lý bằng bể SBR còn lại, đồng thời nước thải từ bể SBR bị sự cố được bơm về hồ sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ hồ sự cố về 02 bể SBR của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01để xử lý.

- Trường hợp cả 02 bể SBR của hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01 của Trạm xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải tại các bể SBR và nước thải đầu vào sẽ được bơm về hồ sự cố để lưu giữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ hồ sự cố được bơm về để xử lý.

- Ban hành tiêu chuẩn đấu nối nước thải trong khu công nghiệp, buộc các cơ sở thứ cấp xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn đấu nối trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyển giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	^0C	45
2	pH	-	5 - 9
3	Độ màu	Pt - Co	150
4	BOD_5 (20^0C)	mg/l	400
5	COD	mg/l	600
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	400
7	Asen	mg/l	0,1

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
8	Thủy ngân	mg/l	0,01
9	Cadimi	mg/l	0,01
10	Chì	mg/l	0,2
11	Crom (VI)	mg/l	0,1
12	Crom (III)	mg/l	1
13	Đồng	mg/l	2
14	Kẽm	mg/l	3
15	Niken	mg/l	0,5
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng Xianua	mg/l	0,1
19	Tổng Phenol	mg/l	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5
21	Clo dư	mg/l	1
22	Clorua	mg/l	405
23	PCBs	mg/l	0,01
24	Sulfua	mg/l	1
25	Florua	mg/l	15
26	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
27	Tổng Nitơ	mg/l	60
28	Tổng Photpho	mg/l	8
29	Coliform	MPN/100ml	5.000
30	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ	mg/l	0,05
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật nhóm Photpho hữu cơ	mg/l	0,3
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không phải vận hành thử nghiệm lại do Dự án đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường và được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng có Công văn thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án số 1635/STNMT-CCBVMT ngày 11 tháng 5 năm 2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1 (bao gồm nước thải phát sinh từ các cơ sở hoạt động trong khu công nghiệp và nước thải sinh hoạt từ Khu dịch vụ, nhà ở công nhân Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1), bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Công ty chịu trách nhiệm ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị quản lý công trình thủy lợi và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về xả nước thải vào công trình thủy lợi theo quy định. Trường hợp việc xả nước thải sau xử lý gây ảnh hưởng xấu tới chất lượng của công trình thủy lợi, Công ty phải phối hợp chặt chẽ với đơn vị quản lý công trình thủy lợi để giải quyết theo hợp đồng đã ký kết và quy định của pháp luật.

3.5. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82 /GPMT-BTNMT ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Máy phát điện dự phòng (nguồn không thường xuyên).
- Nguồn số 2: Máy thổi khí số 01, công suất 22kW, lưu lượng khí 1.080 m^3/giờ.
- Nguồn số 3: Máy thổi khí số 02, công suất 22kW, lưu lượng khí 1.080 m^3/giờ.
- Nguồn số 4: Máy thổi khí số 03, công suất 22kW, lưu lượng khí 1.080 m^3/giờ.
- Nguồn số 5: Máy thổi khí số 04, công suất 22kW, lưu lượng khí 1.080 m^3/giờ.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tại nhà đặt máy phát điện dự phòng trong khu vực Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1, tọa độ: X: 2310233; Y: 584422.

- Nguồn số 2: Tại hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01, Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1, công suất 2.250 m^3/ngày, tọa độ: X = 2310208; Y = 584422.

- Nguồn số 3: Tại hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01, Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1, công suất 2.250 m^3/ngày, tọa độ: X = 2310208; Y = 584422.

- Nguồn số 4: Tại hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01, Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1, công suất 2.250 m^3/ngày, tọa độ: X = 2310208; Y = 584422.

- Nguồn số 5: Tại hệ thống xử lý nước thải tập trung số 01, Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1, công suất 2.250 m^3/ngày, tọa độ: X = 2310208; Y = 584422.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	*Khu vực thông thường*

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia	Tần suất quan	Ghi chú

	tốc rung cho phép (dB)		trắc định kỳ	
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn và độ rung.

- Máy bơm và máy thổi khí: Máy thổi khí được lắp đặt trong thùng cách âm nên độ ồn luôn đáp ứng tiêu chuẩn cho phép (<70dBA). Các bơm sử dụng là bơm chìm trong nước nên không gây ra tiếng ồn.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án để giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, triểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 82.../GPMT-BTNMT ngày 04 tháng 4.. năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	12 06 06	450.000
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	20
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	20
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	60
5	Dầu thải từ thiết bị tách dầu nước	17 05 04	11.000
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	20
7	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính khác	16 01 06	6
8	Pin, acquy chì thải	19 06 01	2
9	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	8
10	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	10
	Tổng khối lượng		**461.146**

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	3,0
2	Giấy viết loại, bìa carton	0,5
	Tổng khối lượng	**3,5**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị thùng, phuy, can có nắp đậy.

b) Kho lưu chứa:

- Diện tích: 20 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường gạch, mái đổ bê tông cốt thép; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải từ văn phòng:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy.

- Kho để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

+ Diện tích 42,25 m^2 (bao gồm 2 ngăn);

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho được xây tường gạch, mái đổ bê tông cốt thép; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...82.../GPMT-BTNMT ngày ...04... tháng ...4... năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Đã hoàn thành các công trình, hạng mục công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 984/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Điều chỉnh đầu tư và kinh doanh Khu công nghiệp An Dương - giai đoạn 1" tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng và Quyết định số 2758/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Điều chỉnh đầu tư xây dựng và kinh doanh Khu công nghiệp An Dương - giai đoạn 1" tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, trong đó một số nội dung thay đổi so với Quyết định số 984/QĐ-BTNMT và với Quyết định số 2758/QĐ-BTNMT nêu trên đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Công ty.

2. Các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn tiếp theo đã được phê duyệt trong Quyết định số 984/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Quyết định số 2758/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường mà chủ dự án đầu tư, cơ sở tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường bao gồm các nội dung sau:

2.1. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phần diện tích của Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1. Sau khi hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật cho phần diện tích 50,76 ha của Khu công nghiệp An Dương, Công ty TNHH Liên hợp đầu tư Thâm Việt có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường cho toàn bộ khu công nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

- Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của Dự án bao gồm: San nền, hệ thống giao thông nội bộ; mạng lưới cấp nước, hệ thống PCCC, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, cây xanh, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải.

2.2. Xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung

- Xây dựng 03 hệ thống xử lý nước thải tập trung (số 02, 03 và 04), mỗi hệ thống xử lý nước thải có công suất 2.250 m^3/ngày, đồng thời xây dựng 03 hồ sự cố tương ứng (hồ sự cố 2 dung tích 6.676 m^3, hồ sự cố 3 dung tích 6.750 m^3 và hồ sự cố 4 dung tích 6.751 m^3).

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải → Hố bơm → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể xử lý sinh học (SBR) → Bể Bể khử trùng → Mương đo lưu lượng → Kênh Hoàng Lâu.

- Nước thải sau xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A với hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$).

Việc tiếp tục xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung cho Khu công nghiệp An Dương – giai đoạn 1 là nhằm đảm bảo khả năng xử lý nước thải phát sinh tại các cơ sở thứ cấp trong khu công nghiệp trong trường hợp các công trình xử lý nước thải hiện hữu không đủ năng lực xử lý. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét cấp lại giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

2.3. Xây dựng công trình lưu giữ bùn thải

- Khu lưu chứa bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải diện tích 20 m^2 (Sử dụng chung với kho lưu chứa tạm thời chất thải nguy hại).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

5. Bụi, khí thải từ 01 máy phát điện dự phòng sử dụng nhiên liệu là dầu DO, công suất 225 kVA, chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.